

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2019/DS - ST

Ngày: 30 - 9 - 2019.

V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Quốc Thanh.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2019/TLST - DS, ngày 14/3/2019 về việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2019/QĐXXST - DS, ngày 13/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1991.

Địa chỉ cư trú: Số xx ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Dương Tiến N, sinh năm 1948 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số xx, Khu tập thể P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2019.

Bị đơn: Anh Phan Hồng Q, sinh năm 1979 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/11/2018 của nguyên đơn anh Phạm Văn T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Tiến N trình bày: Vào ngày 16/10/2017, anh Phạm Văn T có cho anh Phan Hồng Q vay số tiền 30.000.000 đồng, không lãi suất, có làm hợp đồng công chứng, thỏa thuận đến ngày 16/02/2018 anh Q phải trả nợ. Khi đến

hạn trả nợ anh T đòi nhiều lần nhưng anh Q không trả. Nay anh T yêu cầu anh Q phải hoàn trả tiền vay trong đó tiền vốn là 30.000.000 đồng và tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 17/02/2018) cho đến ngày khởi kiện (ngày 12/11/2018) theo mức lãi suất 0,75%/tháng.

Bị đơn anh Phan Hồng Q vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vào ngày 16/10/2017, giữa anh Phạm Văn T và anh Phan Hồng Q có thiết lập hợp đồng vay tài sản, trong quá trình thực hiện hợp đồng anh T cho rằng anh Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 12/11/2018 anh T khởi kiện yêu cầu anh Q phải thanh toán nợ. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án cần phải giải quyết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2017 thể hiện bị đơn anh Phan Hồng Q có nơi cư trú tại ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre. Về thời hiệu khởi kiện, hợp đồng vay tài sản các bên thỏa thuận đến ngày 16/02/2018 thì bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, do đó ngày 12/11/2018 nguyên đơn khởi kiện là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 154 Bộ luật dân sự. Đối với bị đơn anh Phan Hồng Q đã trực tiếp tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt anh Phan Hồng Q.

[2] Về nội dung vụ án, căn cứ vào lời khai của đương sự, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2017 do nguyên đơn cung cấp thể hiện anh Phan Hồng Q có vay của anh Phạm Văn T số tiền 30.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 16/02/2018, không lãi suất. Xét thấy hợp đồng vay tiền có chứng nhận của công chứng, căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì hợp đồng vay tiền mà nguyên đơn cung cấp là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó có căn cứ để xác định anh Q có vay của anh T số tiền 30.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Q không cung cấp chứng cứ để chứng minh là anh không có vay tiền của anh T hoặc không có nợ anh T số tiền 30.000.000 đồng, đồng thời anh Q cũng không có ý kiến phản bác gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Điều đó đã có đủ cơ sở để xác định anh Q còn nợ anh T số tiền vay là 30.000.000 đồng. Do anh Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh T nên căn cứ vào Điều 466, 470 Bộ luật dân sự buộc anh Q phải hoàn trả cho anh T số tiền vay còn nợ là 30.000.000 đồng và phải trả lãi tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ là phù hợp. Xét về yêu cầu tính lãi của anh T từ ngày 17/02/2018 đến ngày 12/11/2018 là phù hợp với thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ

của anh Q, đồng thời mức lãi suất anh T yêu cầu 0,75%/tháng cũng phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận và số tiền lãi mà anh Q có nghĩa vụ phải hoàn trả cho anh T được tính như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,75\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 1.995.000 \text{ đồng}$.

[3] Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc anh Phan Hồng Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền anh Q có nghĩa vụ phải hoàn trả cho anh Phạm Văn T là: $31.995.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.600.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Phan Hồng Q có nghĩa vụ phải hoàn trả cho anh Phạm Văn T số tiền vay trong đó tiền vốn là 30.000.000 đồng, tiền lãi là 1.995.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Buộc anh Phan Hồng Q phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.600.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Phạm Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 806.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[4] Về việc thi hành bản án khi có hiệu lực pháp luật:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện